TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 63/2026/QĐST-HNGĐ	*Nghệ An, ngày 24 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 87/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1983.

Nơi ĐKTT: khối A, xã D, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ hiện tại: khối A, xã D, tỉnh Nghệ An.

- *Bị đơn*: Ông **Phạm Văn T**, sinh năm 1982.

Nơi ĐKTT: khối A, xã D, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ hiện tại: khối A, xã D, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 54, Điều 55, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản ý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị H và ông Phạm Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Trần Thị H và ông Phạm Văn T thỏa thuận, thống nhất thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Qúa trình chung sống có 02 con chung là cháu Phạm Trần Lâm T1 (nam) sinh ngày 15/4/2003 và cháu Phạm Văn T2 (nam), sinh ngày 28/5/2008. Cháu T1 hiện đã trưởng thành. Hai bên thống nhất giao cháu T2 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho ông T, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác khi có yêu cầu.

- *Về án phí*: Bà H tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)*. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* bà H đã nộp theo biên lai thu số 0001355 ngày 03/3/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Nghệ An. Bà H được nhận lại 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND khu vực 3 – Nghệ An;
- Phòng THADS khu vực 3 – Nghệ An;
- UBND xã Diễn Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

THẨM PHÁN

Phan Văn Nguyễn